

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM

Số: 85/2024/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kon Tum, ngày 20 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định phân công tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá trên địa bàn tỉnh Kon Tum

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 28/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá;

Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường;

Căn cứ Thông tư số 33/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về kinh phí đầu tư xây dựng, duy trì, nâng cấp, quản lý, vận hành Cơ sở dữ liệu về giá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 5315/TTr-STC ngày 16 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân công tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Điều 2. Hiệu lực, trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2024 và thay thế Quyết định số 27/2020/QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành Quy định một số nội dung về quản lý giá trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

2. Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, tổ chức và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Lê Ngọc Tuấn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Phân công tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá trên địa bàn tỉnh Kon Tum

(Ban hành kèm theo Quyết định số 85/2024/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Phân công tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá trên địa bàn tỉnh Kon Tum theo quy định của Luật Giá số 16/2023/QH15 (sau đây gọi tắt là Luật Giá) và các văn bản hướng dẫn pháp luật về giá.

2. Những nội dung quản lý nhà nước về giá không quy định tại Quy định này thực hiện theo quy định tại Luật Giá, Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, đơn vị được phân công tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum.

2. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực giá, thẩm định giá trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Điều 3. Phân công tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Kon Tum

1. Sở Tài chính là cơ quan tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện toàn diện các nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Điều 16 của Luật Giá và các văn bản hướng dẫn pháp luật về giá.

2. Cơ quan chuyên môn thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực là cơ quan có trách nhiệm tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện toàn diện các nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá đối với hàng hóa, dịch vụ trong ngành, lĩnh vực (sau đây gọi tắt là cơ quan tham mưu quản lý ngành, lĩnh vực) được phân công theo Quy định này và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá

trên địa bàn cấp huyện theo quy định của pháp luật và thực hiện các nhiệm vụ được phân công tại Quy định này.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1. BÌNH ỔN GIÁ

Điều 4. Đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá

Trong trường hợp cần thiết phải đề nghị điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá:

1. Cơ quan tham mưu quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp huyện:
 - a) Đánh giá sự cần thiết của việc đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 17 Luật Giá và khoản 1 Điều 4 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP;
 - b) Thực hiện các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP;
 - c) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý ngành, lĩnh vực đối với hàng hóa, dịch vụ cần điều chỉnh tại Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá;
 - d) Chuẩn bị hồ sơ đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá gửi Sở Tài chính tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

2. Sở Tài chính:

- a) Phối hợp, hướng dẫn các cơ quan liên quan thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục đề nghị điều chỉnh Danh mục dịch vụ, hàng hóa bình ổn giá;
- b) Xem xét, đánh giá sự cần thiết đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá;
- c) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh hồ sơ đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá gửi Bộ Tài chính.

Điều 5. Tổ chức thực hiện bình ổn giá theo khoản 1 Điều 20 Luật Giá

Trên cơ sở chủ trương bình ổn giá của Chính phủ và nội dung hướng dẫn triển khai của các Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý ngành, lĩnh vực:

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan tham mưu quản lý ngành, lĩnh vực và Ủy ban nhân dân cấp huyện:
 - a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện hướng dẫn của các Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý ngành, lĩnh vực về thực hiện bình ổn giá trên địa bàn tỉnh theo đúng yêu cầu, tiến độ quy định;

b) Kiểm tra yếu tố hình thành giá theo quy định tại Điều 31, Điều 32 và Điều 33 của Luật Giá hoặc yêu cầu doanh nghiệp báo cáo một số yếu tố hình thành giá theo yêu cầu của các Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý ngành, lĩnh vực về thực hiện bình ổn giá;

c) Tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả thực hiện bình ổn giá trên địa bàn tỉnh cho các Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực theo quy định.

2. Các cơ quan tham mưu quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ hướng dẫn của cấp có thẩm quyền:

a) Thực hiện một hoặc một số phương thức được quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP để xác định nguyên nhân biến động giá, làm cơ sở cho việc lựa chọn áp dụng biện pháp, thời hạn và phạm vi bình ổn giá phù hợp;

b) Báo cáo kết quả thực hiện gửi Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực theo quy định.

Điều 6. Tổ chức thực hiện bình ổn giá theo điểm a khoản 2 Điều 20 Luật Giá

1. Sở Tài chính chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phân công cho các cơ quan tham mưu quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp huyện triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo phân công của Chính phủ; tổng hợp báo cáo kết quả triển khai thực hiện theo quy định của Chính phủ.

2. Các cơ quan tham mưu quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức triển khai các nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân tỉnh phân công và gửi báo cáo kết quả thực hiện về Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo kết quả triển khai thực hiện theo quy định của Chính phủ.

Điều 7. Tổ chức thực hiện bình ổn giá theo điểm b khoản 2 Điều 20 Luật Giá

1. Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 20 Luật Giá và khoản 2 Điều 6 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

2. Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Chính phủ và gửi Bộ Tài chính về kết quả bình ổn giá.

Mục 2. ĐỊNH GIÁ

Điều 8. Đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá

Trong trường hợp cần thiết phải đề nghị điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, Ủy ban nhân dân tỉnh giao trách nhiệm:

1. Các cơ quan tham mưu quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp huyện (nếu có):

a) Đánh giá sự cần thiết của việc đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Luật Giá và khoản 1 Điều 8 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP;

b) Thực hiện các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP;

c) Chuẩn bị hồ sơ đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá gửi Sở Tài chính tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

2. Sở Tài chính

a) Phối hợp, hướng dẫn các cơ quan liên quan thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá;

b) Xem xét, đánh giá sự cần thiết đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá;

c) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh hồ sơ đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá gửi Bộ Tài chính.

Điều 9. Lập, thẩm định, điều chỉnh phương án giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Các cơ quan tham mưu quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp huyện (nếu có) được phân công thẩm định phương án giá tại khoản 2 Điều này tổ chức việc lựa chọn cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ lập phương án giá.

2. Các cơ quan tham mưu quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp huyện (nếu có) thực hiện thẩm định phương án giá và trình Ủy ban nhân dân tỉnh văn bản định giá đối với hàng hóa dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Phụ lục I kèm theo Quy định này.

3. Các cơ quan tham mưu quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp huyện (nếu có) được phân công thẩm định phương án giá tại khoản 2 Điều này có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh giá; thẩm định phương án giá điều chỉnh và trình văn bản điều chỉnh giá.

4. Việc lập, thẩm định, điều chỉnh phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ khác phát sinh ngoài danh mục hàng hóa dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Phụ lục I kèm theo Quy định này thực hiện theo sự phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh (trên cơ sở đề xuất của Sở Tài chính) và quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có).

Điều 10. Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh định giá

Các cơ quan tham mưu quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp huyện được Ủy ban nhân dân tỉnh phân công tiếp nhận kê khai giá tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy định này có trách nhiệm tham mưu, trình Ủy ban nhân dân

tỉnh ban hành văn bản quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ. Việc tham mưu, trình ban hành văn bản quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ được thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 28 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

Mục 3. ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DANH MỤC HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ THỰC HIỆN KÊ KHAI GIÁ, TIẾP NHẬN KÊ KHAI GIÁ

Điều 11. Đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá

Trường hợp cần thiết phải đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá:

1. Các cơ quan tham mưu quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 15 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP;

b) Chuẩn bị hồ sơ đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ kê khai giá gửi Sở Tài chính tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

2. Sở Tài chính:

a) Phối hợp, hướng dẫn các cơ quan liên quan thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục đề nghị điều chỉnh Danh mục dịch vụ, hàng hóa thực hiện kê khai giá;

b) Xem xét, đánh giá sự cần thiết đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá;

c) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh hồ sơ đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá gửi Bộ Tài chính trình Chính phủ.

Điều 12. Cơ quan tiếp nhận và đối tượng thực hiện kê khai giá

1. Cơ quan tham mưu quản lý ngành, lĩnh vực tham mưu tổ chức tiếp nhận; Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp nhận kê khai giá theo phân công tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy định này.

2. Các cơ quan tham mưu quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp huyện được phân công tiếp nhận kê khai giá có trách nhiệm rà soát tổng thể, thống kê và lựa chọn các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh mà không có tên trong Danh sách kê khai giá của Bộ, cơ quan ngang Bộ đã ban hành.

Việc lựa chọn tổ chức kinh doanh phải thực hiện kê khai giá thuộc ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý gửi về Sở Tài chính trước ngày 31 tháng 01 hàng năm. Sở Tài chính tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Danh sách kê khai giá thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Sở Tài chính chủ trì, hướng dẫn, đôn đốc, phối hợp với các cơ quan tham mưu quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp huyện rà soát tổng thể tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Danh sách kê khai giá thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 15 tháng 02 hàng năm.

Trường hợp trong năm phát sinh yêu cầu cần điều chỉnh Danh sách kê khai giá, các cơ quan tham mưu quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp huyện rà soát gửi Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Danh sách kê khai giá bổ sung.

Mục 4. KIỂM TRA YẾU TỐ HÌNH THÀNH GIÁ

Điều 13. Theo dõi biến động bất thường về giá hàng hóa dịch vụ

Các cơ quan tham mưu quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp huyện thường xuyên theo dõi và kịp thời phát hiện những biến động bất thường về giá hàng hóa, dịch vụ có khả năng ảnh hưởng đến kinh tế - xã hội, hoạt động sản xuất, kinh doanh, đời sống người dân, mặt bằng giá thị trường, đặc biệt xảy ra khi tình trạng khẩn cấp, sự cố, thảm họa, thiên tai, dịch bệnh; có trách nhiệm kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về những biến động bất thường về giá hàng hóa dịch vụ và đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh kịp thời xem xét quyết định thực hiện các giải pháp, biện pháp theo thẩm quyền quản lý, điều tiết giá phù hợp.

Điều 14. Phân công nhiệm vụ kiểm tra yếu tố hình thành giá

1. Sở Tài chính là cơ quan chủ trì tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra yếu tố hình thành giá theo quyết định, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Các cơ quan tham mưu quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm phối hợp cung cấp thông tin, cử cán bộ công chức có chuyên môn thuộc ngành, lĩnh vực quản lý tham gia thực hiện nhiệm vụ kiểm tra yếu tố hình thành giá khi có yêu cầu của Sở Tài chính trên cơ sở quyết định, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm phối hợp cung cấp thông tin, cử cán bộ công chức quản lý địa bàn, khu vực tham gia thực hiện nhiệm vụ kiểm tra yếu tố hình thành giá khi có yêu cầu của Sở Tài chính trên cơ sở quyết định, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Mục 5. TỔNG HỢP, PHÂN TÍCH, DỰ BÁO GIÁ THỊ TRƯỜNG ĐỊA PHƯƠNG

Điều 15. Phân công thực hiện nhiệm vụ tổng hợp, phân tích, dự báo và báo cáo giá thị trường địa phương, báo cáo giá thị trường chuyên ngành.

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan tham mưu quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo giá thị trường tổng hợp định kỳ của địa phương, báo cáo giá thị trường đột xuất báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Bộ Tài chính.

2. Các cơ quan tham mưu quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, các cơ quan có liên quan thực hiện tổng hợp, phân tích,

dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo giá thị trường chuyên ngành thuộc lĩnh vực quản lý báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ quản lý ngành, lĩnh vực và Bộ Tài chính khi có yêu cầu. Gửi báo cáo định kỳ, đột xuất cho Sở Tài chính theo quy định tại Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ Tài chính Quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường (*Thông tư 29/2024/TT-BTC*);

3. Các cơ quan tham mưu quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo giá thị trường thuộc địa bàn quản lý gửi Sở Tài chính tổng hợp chung; chi tiết phân công thực hiện theo Phụ lục III kèm theo Quyết định này.

Đối với báo cáo giá thị trường định kỳ gửi Sở Tài chính tổng hợp theo thời hạn quy định như sau:

a) Định kỳ ngày cuối cùng hàng tháng, quý, năm thực hiện tổng hợp số liệu báo cáo giá thị trường trên địa bàn, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý;

b) Gửi báo cáo giá thị trường về Sở Tài chính trước ngày 02 của tháng tiếp theo sau tháng kỳ báo cáo đối với báo cáo tháng và trước ngày 03 của tháng tiếp theo sau tháng cuối cùng của kỳ báo cáo đối với báo cáo quý, 6 tháng, 9 tháng và cả năm;

c) Trường hợp có biến động bất thường về giá hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, thực hiện báo cáo đột xuất về tình hình biến động giá của một số hàng hóa, dịch vụ thiết yếu tại địa phương gửi cơ quan có thẩm quyền đồng thời gửi Sở Tài chính tổng hợp.

4. Sở Tài chính tham mưu, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính theo quy định tại Điều 15, Điều 16 Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

5. Các cơ quan tham mưu quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo giá thị trường chuyên ngành thuộc ngành, lĩnh vực quản lý trình Ủy ban nhân dân tỉnh khi có yêu cầu.

Điều 16. Trách nhiệm của các cơ quan tham mưu quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp huyện trong công tác phối hợp thực hiện nhiệm vụ tổng hợp, phân tích, dự báo và báo cáo giá thị trường địa phương

1. Sở Tài chính tổ chức triển khai công tác tổng hợp, phân tích, dự báo và báo cáo giá thị trường. Cung cấp, chia sẻ báo cáo về tình hình giá cả thị trường tại địa phương; thông tin dữ liệu về giá trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá theo quy định; tham gia với các cơ quan tham mưu quản lý ngành, lĩnh vực trong công tác điều hành giá thuộc thẩm quyền quản lý của các cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực.

2. Cục Thống kê: Phối hợp cung cấp báo cáo phân tích CPI địa phương; Phân tích thực trạng, nguyên nhân của các yếu tố tác động đến CPI (nếu có); Dự báo diễn biến mặt hàng giá thị trường và giá một số hàng hóa, dịch vụ thiết yếu và đánh giá tác động dự kiến lên CPI (nếu có).

3. Các cơ quan tham mưu quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức triển khai công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường của hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý. Cung cấp thông tin về cơ chế chính sách, tình hình thực hiện công tác quản lý, điều tiết giá thuộc thẩm quyền và các thông tin khác (nếu có) gồm: diễn biến cung cầu, thị trường giá cả tại địa phương và trong nước các mặt hàng trong Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá, Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá và một số hàng hóa, dịch vụ quan trọng thuộc lĩnh vực quản lý. Cụ thể:

a) Các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Y tế, Giao thông vận tải, Giáo dục và Đào tạo, Công Thương; Cục Thống kê và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố: Báo cáo phân tích mặt bằng giá thị trường tài sản, hàng hóa, dịch vụ và nguyên nhân biến động mặt bằng giá thị trường, giá tài sản, hàng hóa, dịch vụ;

b) Sở Công Thương và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố: Báo cáo tình hình triển khai chương trình bình ổn thị trường và các biện pháp bình ổn giá (nếu có).

Mục 6. CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ GIÁ

Điều 17. Xây dựng Cơ sở dữ liệu về giá

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư, xây dựng, nâng cấp và thống nhất quản lý Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương.

Điều 18. Quản lý Cơ sở dữ liệu về giá

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan tham mưu quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Tổ chức việc quản trị, điều hành toàn bộ hoạt động của hệ thống Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương; có nhiệm vụ duy trì, quản lý, vận hành Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương; phân công đơn vị chuyên môn trực thuộc hoặc đơn vị sự nghiệp công lập để triển khai tổ chức các hoạt động quản lý, vận hành, khai thác Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương và kết nối dữ liệu về Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ban hành và tổ chức thực hiện quy chế hoạt động, vận hành, khai thác thông tin, dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương.

2. Các cơ quan tham mưu quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp huyện:

Phối hợp với Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ban hành và tổ chức thực hiện quy chế hoạt động, vận hành, khai thác thông tin, dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương.

Điều 19. Cập nhật thông tin dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá

1. Sở Tài chính chịu trách nhiệm cập nhật các thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá của địa phương gồm:

a) Báo cáo giá thị trường của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của Bộ Tài chính;

b) Giá tính lệ phí trước bạ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành theo quy định của pháp luật;

c) Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh do Sở Tài chính chủ trì tham mưu;

d) Danh sách các doanh nghiệp thực hiện kê khai giá; giá hàng hóa dịch vụ thực hiện kê khai thuộc thẩm quyền Sở Tài chính tiếp nhận kê khai giá;

đ) Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá do Sở Tài chính quyết định thành lập hoặc tham mưu cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập;

e) Giá hàng hóa dịch vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh do Sở Tài chính chủ trì tham mưu hoặc quyết định ban hành theo thẩm quyền.

2. Các cơ quan tham mưu quản lý ngành, lĩnh vực chịu trách nhiệm cập nhật các thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá của địa phương gồm:

a) Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh do các cơ quan tham mưu quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì tham mưu;

b) Danh sách các doanh nghiệp thực hiện kê khai giá; giá hàng hóa dịch vụ thực hiện kê khai thuộc thẩm quyền sở, ngành, cơ quan mình tiếp nhận kê khai giá;

c) Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá do sở, ngành, cơ quan mình quyết định thành lập hoặc tham mưu cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập;

d) Giá hàng hóa dịch vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh do sở, ngành, cơ quan mình chủ trì tham mưu hoặc quyết định ban hành theo thẩm quyền.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổ chức thực hiện quản lý Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn cấp huyện, gồm:

a) Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh do Ủy ban nhân dân cấp huyện đề nghị định giá;

b) Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá do Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập.

Mục 7. KIỂM TRA VIỆC CHẤP HÀNH PHÁP LUẬT VỀ GIÁ, THẨM ĐỊNH GIÁ

Điều 20. Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá**1. Sở Tài chính**

a) Kiểm tra các cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá được Ủy ban nhân dân tỉnh phân công tại Quyết định này;

b) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Các cơ quan tham mưu quản lý ngành, lĩnh vực

a) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc;

b) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá của các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý nhà nước về giá của cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Quyết định này và theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá thực hiện theo quy định tại Thông tư số 28/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá.

Chương III**TỔ CHỨC THỰC HIỆN****Điều 21. Điều khoản thi hành**

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện Quyết định này.

2. Các cơ quan tham mưu quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ chức năng, nhiệm vụ quyền hạn được giao có trách nhiệm triển khai, phổ biến Quyết định này đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá được giao thuộc phạm vi, lĩnh vực, địa bàn quản lý.

3. Các văn bản được dẫn chiếu tại Quy định này nếu có sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung thay thế.

4. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Tài chính đề tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Phụ lục I**PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ TỔ CHỨC ĐỊNH GIÁ, THẨM ĐỊNH PHƯƠNG ÁN GIÁ VÀ TRÌNH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
BAN HÀNH VĂN BẢN ĐỊNH***(Kèm theo Quyết định số 85/2024/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực	Cơ quan, đơn vị tổ chức định giá, thẩm định phương án giá và trình UBND tỉnh ban hành văn bản định giá
I	Định khung giá		
1	Rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
II	Định giá tối đa		
1	Dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ (trừ dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc) để kinh doanh, do địa phương quản lý	Sở Giao thông Vận tải	Sở Giao thông Vận tải
2	Dịch vụ ra, vào bến xe ô tô	Sở Giao thông Vận tải	Sở Giao thông Vận tải
3	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt (đối với chủ đầu tư, cơ sở thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt)	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường
4	Dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp
III	Định giá cụ thể		

1	Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý, đặt hàng của địa phương	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
2	Sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý của địa phương	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
3	Nước sạch	- Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Sở Xây dựng	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (đối với khu vực nông thôn), Sở Xây dựng (đối với khu vực đô thị)
4	Sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở địa phương	Sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ	Sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ
5	Dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập	Sở Y tế	Sở Y tế
6	Dịch vụ điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện tại các đơn vị sự nghiệp công lập	Sở Y tế	Sở Y tế
7	Dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyên mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường
8	Dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng của cơ sở hỏa táng được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước	Sở Xây dựng	
8.1	<i>Trường hợp được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh</i>		<i>Sở Xây dựng</i>

8.2	<i>Trường hợp được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp huyện, cấp xã</i>		<i>Ủy ban nhân dân cấp huyện</i>
9	Dịch vụ vận tải hành khách, hành lý trên đường sắt đô thị	Sở Giao thông vận tải	Sở Giao thông vận tải
10	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt (đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân)	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường
11	Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (trừ giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đối khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước)	Sở Xây dựng	
11.1	<i>Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (trừ dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đối khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước và dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp huyện, cấp xã)</i>		<i>Sở Xây dựng</i>
11.2	<i>Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp huyện, cấp xã</i>		<i>Ủy ban nhân dân cấp huyện</i>
12	Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước	Sở Giao thông Vận tải	
12.1	<i>Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh</i>		<i>Sở Giao thông Vận tải</i>
12.2	<i>Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp huyện, cấp xã</i>		<i>Ủy ban nhân dân cấp huyện</i>
13	Dịch vụ thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước	Sở Xây dựng	
13.1	<i>Dịch vụ thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước cấp tỉnh</i>		<i>Sở Xây dựng</i>

13.2	Dịch vụ thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước cấp huyện, cấp xã		Ủy ban nhân dân cấp huyện
14	Dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước	Sở Công thương	
14.1	Dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước cấp tỉnh		Sở Công thương
14.2	Dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước cấp huyện, cấp xã		Ủy ban nhân dân cấp huyện
IV	Định khung giá, giá tối đa, giá cụ thể tùy dịch vụ		
1	Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tính giá theo lộ trình thu của người sử dụng dịch vụ	Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực	Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực
V	Định giá theo pháp luật chuyên ngành		
1	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh.	Sở Y tế	Thực hiện theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh
2	Học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về giáo dục	Sở Giáo dục và Đào tạo	Thực hiện theo quy định của pháp luật về giáo dục
3	Học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục đại học công lập thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về giáo dục và pháp luật về giáo dục đại học	Sở Giáo dục và Đào tạo	Thực hiện theo quy định của pháp luật về giáo dục và pháp luật về giáo dục đại học
4	Học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Thực hiện theo quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp
5	Nhà ở công vụ	Sở Xây dựng	

6	Nhà ở xã hội theo quy định của Luật Nhà ở		Thực hiện theo quy định của pháp luật về nhà ở
7	Dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư đối với nhà chung cư thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn		
8	Nhà ở, dịch vụ khác thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của Luật Nhà ở		
9	Đất thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường	Thực hiện theo quy định của pháp luật đất đai

Phụ lục II**PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ TIẾP NHẬN KÊ KHAI GIÁ VÀ THĂM MƯU ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUY ĐỊNH ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ - KỸ THUẬT CỦA HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ***(Kèm theo Quyết định số 85/2024/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tiếp nhận kê khai giá	Cơ quan tham mưu UBND tỉnh quy định đặc điểm kinh tế kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ
A	Hàng hóa, dịch vụ thực hiện trên phạm vi cả nước		
I	Hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hoá, dịch vụ bình ổn giá		
1	Xăng, dầu thành phẩm	Ủy ban nhân dân tỉnh (Sở Công thương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức tiếp nhận)	
2	Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	Ủy ban nhân dân tỉnh (Sở Công thương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức tiếp nhận)	
3	Sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi	Ủy ban nhân dân tỉnh (Sở Y tế tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức tiếp nhận)	
4	Thóc tẻ, gạo tẻ	Ủy ban nhân dân tỉnh (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức tiếp nhận)	
5	Phân đạm; phân DAP; phân NPK	Ủy ban nhân dân tỉnh (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức tiếp nhận)	

6	Thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản	Ủy ban nhân dân tỉnh (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức tiếp nhận)	
7	Vắc - xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm	Ủy ban nhân dân tỉnh (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức tiếp nhận)	
8	Thuốc bảo vệ thực vật	Ủy ban nhân dân tỉnh (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức tiếp nhận)	
9	Thuốc thuộc danh mục thuốc thiết yếu được sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Ủy ban nhân dân tỉnh (Sở Y tế tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức tiếp nhận)	
II	Hàng hoá, dịch vụ do UBND tỉnh định khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu		
II.1	Định khung giá		
1	Rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
II.2	Định giá tối đa		
1	Dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ (trừ dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc) để kinh doanh, do địa phương quản lý	Sở Giao thông vận tải	Sở Giao thông Vận tải
2	Dịch vụ ra, vào bến xe ô tô	Sở Giao thông vận tải	Sở Giao thông Vận tải
3	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt (đối với chủ đầu tư, cơ sở thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt)	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường
4	Dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp
II.3	Định giá cụ thể		

1	Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý, đặt hàng của địa phương	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
2	Sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý của địa phương	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
3	Nước sạch	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (đối với khu vực nông thôn), Sở Xây dựng (đối với khu vực đô thị)	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (đối với khu vực nông thôn), Sở Xây dựng (đối với khu vực đô thị)
4	Sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở địa phương	Cơ quan tham mưu quản lý ngành, lĩnh vực	Cơ quan tham mưu quản lý ngành, lĩnh vực
5	Dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập	Sở Y tế	Sở Y tế
6	Dịch vụ điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện tại các đơn vị sự nghiệp công lập	Sở Y tế	Sở Y tế
7	Dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường
8	Dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng của cơ sở hỏa táng được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước		
8.1	<i>Trường hợp được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh</i>	<i>Sở Xây dựng</i>	<i>Sở Xây dựng</i>

8.2	<i>Trường hợp được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp huyện, cấp xã</i>	<i>Ủy ban nhân dân cấp huyện</i>	<i>Ủy ban nhân dân cấp huyện</i>
9	Dịch vụ vận tải hành khách, hành lý trên đường sắt đô thị	Sở Giao thông vận tải	Sở Giao thông vận tải
10	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt (đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân)	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường
11	Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (trừ giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đối khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước)		
11.1	<i>Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (trừ dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đối khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước và dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp huyện, cấp xã)</i>	<i>Ủy ban nhân dân tỉnh (Sở Xây dựng tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận)</i>	<i>Sở Xây dựng</i>
11.2	<i>Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp huyện, cấp xã</i>	<i>Ủy ban nhân dân cấp huyện</i>	<i>Ủy ban nhân dân cấp huyện</i>
12	Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước		
12.1	<i>Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh</i>	<i>Ủy ban nhân dân tỉnh (Sở Xây dựng tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận)</i>	<i>Sở Giao thông Vận tải</i>
12.2	<i>Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp huyện, cấp xã</i>	<i>Ủy ban nhân dân cấp huyện</i>	<i>Ủy ban nhân dân cấp huyện</i>
13	Dịch vụ thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước		

13.1	Dịch vụ thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước cấp tỉnh	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
13.2	Dịch vụ thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước cấp huyện, cấp xã	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Ủy ban nhân dân cấp huyện
14	Dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước		
14.1	Dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước cấp tỉnh	Sở Công thương	Sở Công thương
14.2	Dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước cấp huyện, cấp xã	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Ủy ban nhân dân cấp huyện
II.4	Định giá cụ thể		
1	Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tính giá theo lộ trình thu của người sử dụng dịch vụ	Cơ quan tham mưu quản lý ngành, lĩnh vực	Cơ quan tham mưu quản lý ngành, lĩnh vực
II.5	Định giá theo pháp luật chuyên ngành		
1	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh.	Sở Y tế	Sở Y tế
2	Học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về giáo dục	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo
3	Học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục đại học công lập thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về giáo dục và pháp luật về giáo dục đại học	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo

4	Học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
5	Nhà ở công vụ	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
6	Nhà ở xã hội theo quy định của Luật Nhà ở		
7	Dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư đối với nhà chung cư thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn		
8	Nhà ở, dịch vụ khác thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của Luật Nhà ở		
9	Đất thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường
III	Hàng hóa, dịch vụ thiết yếu khác do Chính phủ ban hành		
1	Xi măng	Ủy ban nhân dân tỉnh (Sở Xây dựng tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức tiếp nhận)	
2	Nhà ở, nhà chung cư	Ủy ban nhân dân tỉnh (Sở Xây dựng tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức tiếp nhận)	
3	Công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đầu tư ngoài nguồn ngân sách nhà nước (giá thuê)	Ủy ban nhân dân tỉnh (Sở Xây dựng tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức tiếp nhận)	
4	Thép xây dựng	Ủy ban nhân dân tỉnh (Sở Công thương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức tiếp nhận)	
5	Than	Ủy ban nhân dân tỉnh (Sở Công thương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức tiếp nhận)	

6	Etanol nhiên liệu không biến tính	Ủy ban nhân dân tỉnh (Sở Công thương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức tiếp nhận)	
7	Khí tự nhiên hóa lỏng (LNG); khí thiên nhiên nén (CNG)	Ủy ban nhân dân tỉnh (Sở Công thương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức tiếp nhận)	
8	Thuốc thú y để tiêu độc, sát trùng, tẩy trùng, trị bệnh cho gia súc, gia cầm và thủy sản	Ủy ban nhân dân tỉnh (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tổ chức nhận)	
9	Đường ăn bao gồm đường trắng và đường tinh luyện	Ủy ban nhân dân tỉnh (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tổ chức tiếp nhận)	
10	Muối ăn	Ủy ban nhân dân tỉnh (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức tiếp nhận)	
11	Dịch vụ vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ; dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi	Ủy ban nhân dân tỉnh (Sở Giao thông vận tải tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức tiếp nhận)	
12	Thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 06 tuổi	Ủy ban nhân dân tỉnh (Sở Y tế tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức tiếp nhận)	
13	Trang thiết bị y tế	Ủy ban nhân dân tỉnh (Sở Y tế tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức tiếp nhận)	
14	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	Ủy ban nhân dân tỉnh (Sở Y tế tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức tiếp nhận)	
15	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân	Ủy ban nhân dân tỉnh (Sở Y tế tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức tiếp nhận)	

16	Dịch vụ viễn thông	Ủy ban nhân dân tỉnh (Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức tiếp nhận)	
B	Hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương		
1	Dịch vụ lưu trú	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
2	Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước	Sở Giao thông vận tải	Sở Giao thông vận tải
3	Dịch vụ tham quan tại khu du lịch trên địa bàn	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch
4	Dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi	Sở Giao thông vận tải	Sở Giao thông vận tải
5	Dịch vụ vận tải hành khách tham quan du lịch	Sở Giao thông vận tải	Sở Giao thông vận tải
6	Dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách tuyến cố định bằng đường thủy nội địa	Sở Giao thông vận tải	Sở Giao thông vận tải
7	Vật liệu xây dựng chủ yếu khác (gồm cát, gạch đất sét nung, gạch bê tông...)	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
8	Giống phục vụ sản xuất nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
9	Dịch vụ chủ yếu tại chợ ngoài dịch vụ do Nhà nước định giá	Sở Công thương	Sở Công thương
10	Dịch vụ kinh doanh nước khoáng nóng	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường

Phụ lục III**PHÂN CÔNG THỰC HIỆN TỔNG HỢP, PHÂN TÍCH, DỰ BÁO GIÁ THỊ TRƯỜNG VÀ BÁO CÁO GIÁ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH KỲ**

(Kèm theo Quyết định số 85/2024/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

STT	Mã hàng hoá	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường định kỳ
I	01	LƯƠNG THỰC, THỰC PHẨM	
1	01.001	Thóc tẻ	Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố
2	01.002	Gạo tẻ	Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố
3	01.003	Thịt lợn hơi (Thịt heo hơi)	Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố
4	01.004	Thịt lợn nạc thăn (Thịt heo nạc thăn)	Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố
5	01.005	Thịt bò thăn	Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố
6	01.006	Thịt bò bắp	Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố
7	01.007	Gà ta	Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố
8	01.008	Gà công nghiệp	Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố
9	01.009	Cá quả (cá lóc)	Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố
10	01.010	Cá chép	Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố
11	01.011	Tôm thẻ chân trắng	Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố
12	01.012	Bắp cải trắng	Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố
13	01.013	Cải xanh	Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố
14	01.014	Bí xanh	Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố
15	01.015	Cà chua	Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố
16	01.016	Giò lụa	Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

17	01.017	Đường ăn bao gồm đường trắng và đường tinh luyện	Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố
II	02	VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP	
18	02.001	Phân đạm; phân DAP; phân NPK	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
19	02.001	Thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
III	03	VẬT LIỆU XÂY DỰNG, CHẤT ĐÓT	
20	03.001	Xi măng PCB 30	Sở Xây dựng
21	03.002	Xi măng PCB 40	Sở Xây dựng
22	03.003	Xi măng PCB 50	Sở Xây dựng
23	03.004	Thép cuộn	Sở Xây dựng
24	03.005	Thép cuộn	Sở Xây dựng
25	03.006	Thép thanh vằn	Sở Xây dựng
26	03.007	Phôi thép vuông	Sở Xây dựng
27	03.008	Phôi thép dẹt	Sở Xây dựng
28	03.009	Phôi thép dẹt	Sở Xây dựng
29	03.010	Thép góc	Sở Xây dựng
30	03.011	Thép góc	Sở Xây dựng
31	03.012	Thép góc	Sở Xây dựng
32	03.013	Thép góc	Sở Xây dựng
33	03.014	Thép góc	Sở Xây dựng
34	03.015	Cát xây	Sở Xây dựng
35	03.016	Cát vàng	Sở Xây dựng
36	03.017	Cát đen đổ nền	Sở Xây dựng

37	03.018	Gạch xây	Sở Xây dựng
38	03.019	Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	Sở Công Thương
IV	04	DỊCH VỤ Y TẾ	
39	04.001	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	Sở Y tế
40	04.002	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân	Sở Y tế
V	05	GIAO THÔNG	
41	05.001	Trông giữ xe máy	Sở Giao thông Vận tải
42	05.002	Trông giữ ô tô	Sở Giao thông Vận tải
43	05.003	Dịch vụ vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ	Sở Giao thông Vận tải
44	05.004	Dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi	Sở Giao thông Vận tải
VI	06	DỊCH VỤ GIÁO DỤC	
45	06.001	Học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục mầm non công lập thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về giáo dục	Sở Giáo dục và Đào tạo
46	06.002	Học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục phổ thông công lập thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về giáo dục	Sở Giáo dục và Đào tạo

47	06.003	Học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục đại học công lập thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về giáo dục và pháp luật về giáo dục đại học	Sở Giáo dục và Đào tạo
48	06.004	Học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp	Sở Giáo dục và Đào tạo